

# XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ ĐỂ ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐÀO TẠO THEO BA CẤP TRÌNH ĐỘ

Vũ Xuân Hùng  
Cao Văn Sâm

## ABSTRACT

*Since the Educations Law 2005 was promulgated, the vocational training system has been innovated with 3 skill levels: elementary, secondary, and college. This also put a question on how to build and improve the vocational training staff in order to overcome concurrent weaknesses and meet the requirements for the 3 level training. This article is about several researches in this issue.*

Nâng cao chất lượng đào tạo luôn luôn là mục tiêu phát triển lâu dài của các cơ sở dạy nghề ở nước ta nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế. Chất lượng dạy nghề là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó chất lượng đội ngũ giáo viên đóng vai trò quan trọng.

Việc hình thành ba cấp trình độ đào tạo là cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề đề cập tại Luật Giáo dục đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI, đang từng bước tạo ra những thay đổi căn bản trong hệ thống, đặt ra nhiều thách thức cho ngành dạy nghề, nhất là đối với đội ngũ giáo viên dạy nghề.

Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề để đáp ứng yêu cầu đào tạo ở cả 3 cấp trình độ là vấn đề cần ưu tiên quan tâm, giải quyết.

## I. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CẤP TRÌNH ĐỘ DẠY NGHỀ

Từ những căn cứ của Luật Giáo dục năm 2005, các cấp trình độ dạy nghề được cụ thể hóa như sau:

Dạy nghề trình độ sơ cấp; nhằm tạo cho người học nghề năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm tạo

điều kiện cho người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Dạy nghề trình độ sơ cấp được thực hiện dưới một năm tại các trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề hoặc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cơ sở giáo dục khác có đăng ký dạy nghề trình độ sơ cấp.

Dạy nghề trình độ trung cấp: nhằm tạo cho người học nghề kiến thức và năng lực thực hành các công việc của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Dạy nghề trình độ trung cấp được thực hiện từ một đến hai năm học tại các trường trung cấp nghề; trường cao đẳng nghề hoặc các cơ sở giáo dục khác có đăng ký dạy nghề trình độ trung cấp.

Dạy nghề trình độ cao đẳng: nhằm tạo cho người học nghề kiến thức và năng lực thực hành các công việc của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc;

có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Dạy nghề trình độ cao đẳng thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo từng đối tượng, tại các trường cao đẳng nghề hoặc các cơ sở giáo dục đại học có đăng ký dạy nghề trình độ cao đẳng.

## II. YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ CỦA GVĐN THEO 3 CẤP TRÌNH ĐỘ

Từ những thay đổi về mặt hệ thống, yêu cầu trình độ đối với GVĐN cũng có sự thay đổi, cụ thể:

*Giáo viên dạy trình độ sơ cấp nghề:*

Yêu cầu đối với giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên; đối với giáo viên dạy thực hành phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao.

*Giáo viên dạy trình độ trung cấp nghề:*

Yêu cầu đối với giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm kỹ thuật hoặc đại học chuyên ngành; Giáo viên dạy thực hành phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao.

*Giáo viên dạy trình độ cao đẳng nghề:*

Yêu cầu đối với giáo viên dạy lý thuyết: phải có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm kỹ thuật hoặc đại học chuyên ngành trở lên; Đối với giáo viên hướng dẫn thực hành phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc nghệ nhân.

Ngoài lĩnh vực chuyên môn, nếu giáo viên, không phải tốt nghiệp cao đẳng sư phạm kỹ thuật, đại học sư phạm kỹ thuật thì phải có chứng chỉ sư phạm kỹ thuật - dạy nghề.

## III. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GVĐN

Đội ngũ GVĐN được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau (được đào tạo từ

các trường sư phạm kỹ thuật, tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, tốt nghiệp các trường dạy nghề được giữ lại làm giáo viên, được tuyển chọn từ công nhân có tay nghề cao, nghệ nhân, ...) nên trình độ, năng lực cũng rất khác nhau.

*Về số lượng*

Số lượng GVĐN tăng dần hàng năm. Nếu năm 2003 có 7.056 giáo viên thì đến năm 2005 đã có 8.394 giáo viên trong các trường dạy nghề, 2.842 giáo viên trong các trung tâm dạy nghề và hàng ngàn giáo viên trong các cơ sở khác có dạy nghề.

*Về chất lượng*

Có trên 90,2% giáo viên tại các trường dạy nghề và 61,4% tại các Trung tâm Dạy nghề (TTDN) có trình độ cao đẳng trở lên; Trình độ tay nghề bậc 3 chiếm: 32,5%; bậc 4: 23,39%; bậc 5: 15,6% và bậc 6,7 là 28,6%; Có 82% giáo viên trong các trường dạy nghề và 60% giáo viên trong các TTDN đã qua đào tạo, bồi dưỡng sư phạm kỹ thuật; 63,3% giáo viên trong các trường dạy nghề có ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, trong đó trình độ C trở lên chiếm 13,1%; 54,9% giáo viên tại các TTDN có trình độ ngoại ngữ từ trình độ A trở lên.

Trong những năm qua, trình độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ GVĐN ngày càng được nâng lên do công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đã được các cơ sở dạy nghề và các cấp quản lý quan tâm. Chất lượng đội ngũ giáo viên của nhiều cơ sở dạy nghề đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo nghề.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển toàn diện sự nghiệp dạy nghề trong giai đoạn mới, nhất là đào tạo nghề theo ba cấp trình độ thì đội ngũ GVĐN hiện nay còn có những tồn tại, yếu kém sau:

*Một là:* Thiếu về số lượng: so với tốc độ tăng quy mô đào tạo nghề thì tốc độ tăng số lượng GV chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ học sinh học nghề dài hạn/giáo viên ở

các trường dạy nghề năm học 2002 - 2003 là 28 học sinh/ 1 giáo viên. Như vậy, so với định mức trung bình 15 học sinh/ giáo viên thì đội ngũ giáo viên trong các trường dạy nghề hiện nay mới chỉ đảm bảo được khoảng 70% về số lượng.

*Hai là:* Kỹ năng dạy học của một bộ phận giáo viên còn hạn chế, nhất là ở khối các trường dạy nghề thuộc địa phương, các trường mới thành lập, các trường ngoài công lập và khối các TTDN.

*Ba là:* Số giáo viên có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học còn ít ảnh hưởng nhất định tới việc khai thác tài liệu nước ngoài phục vụ cho giảng dạy.

#### **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GVĐN**

Thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về "Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005 – 2010", để đáp ứng yêu cầu hệ thống dạy nghề trong giai đoạn phát triển mới, giai đoạn chuyển từ dạy nghề theo chương trình dài hạn và ngắn hạn sang hệ thống dạy nghề với 3 cấp trình độ: sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề, việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ GVĐN cần tập trung vào một số nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

##### **1. Nhóm giải pháp sắp xếp, kiện toàn; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ GVĐN**

###### *Sắp xếp kiện toàn đội ngũ GVĐN*

- Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ GVĐN về số lượng, cơ cấu và chất lượng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng và phát triển đội ngũ GVĐN toàn ngành đến năm 2010, đáp ứng yêu cầu dạy nghề 3 cấp trình độ.

- Phân loại, thực hiện bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý đội ngũ GVĐN.

###### *Đào tạo lại, bồi dưỡng chuẩn hóa*

- Xây dựng kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GVĐN hiện có theo hướng:

+ Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề xây dựng các tiêu chí, chuẩn đánh giá, quy định phương thức, quy trình tổ chức đánh giá;

+ Cơ quan quản lý dạy nghề ở các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở dạy nghề tự đánh giá và xây dựng kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ GVĐN.

- Đẩy mạnh việc đào tạo lại, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ GVĐN theo kế hoạch đã được xây dựng.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa GVĐN gồm: Đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ chuyên môn kỹ thuật; Đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ tay nghề; Đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm.

###### *Bồi dưỡng thường xuyên*

Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ cho đội ngũ GVĐN về chính trị, đổi mới phương pháp dạy nghề, kỹ năng giảng dạy, bồi dưỡng công nghệ mới, ngoại ngữ, tin học để nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy;

##### **2. Nhóm giải pháp củng cố, nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GVĐN**

- Xây dựng và nâng cao năng lực các trường, các khoa sư phạm kỹ thuật đào tạo GVĐN; xây dựng đội ngũ giảng viên sư phạm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất, năng lực, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ; nâng cấp các trường Cao đẳng sư phạm kỹ thuật thành trường đại học sư phạm kỹ thuật để tăng cường đào tạo GVĐN trình độ đại học, đáp ứng yêu cầu dạy nghề theo 3 cấp trình độ.

- Mở rộng ngành nghề đào tạo, đặc biệt tập trung vào đào tạo giáo viên các ngành, nghề đang cần phát triển, như xây dựng, khai thác mỏ, công nghệ thông tin, chế biến nông, lâm, hải sản...

- Đa dạng hóa phương thức đào tạo GVDN; Ngoài việc đào tạo chính quy, theo chuẩn như hiện nay, các trường sư phạm kỹ thuật cần tổ chức đào tạo liên thông cho GVDN từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn.

- Tăng tỷ lệ trình độ sau đại học cho đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo GVDN.

- Cải tiến hoạt động thực tập nghiệp vụ sư phạm; Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa trường sư phạm kỹ thuật với các cơ sở dạy nghề trong quá trình đào tạo giáo viên.

- Cùng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm bồi dưỡng GVDN tại các trường sư phạm kỹ thuật.

### **3. Nhóm giải pháp đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy trong đào tạo, bồi dưỡng GVDN**

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo GVDN theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, hội nhập với khu vực và quốc tế.

- Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; tăng cường thực hành, thực tập; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động sản xuất; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GVDN.

- Gắn đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo với việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

### **4. Nhóm giải pháp hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ GVDN**

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ, kiểm tra, đánh giá đội ngũ GVDN.

- Xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức GVDN; cụ thể hoá các tiêu chuẩn về nghiệp vụ công chức, viên chức làm công tác quản lý dạy nghề.

- Xây dựng chính sách đặc thù nhằm khuyến khích, thu hút nghệ nhân, những người có kinh nghiệm và tay nghề cao

trong sản xuất... làm GVDN.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý cho GVDN kiêm nhiệm, giáo viên hợp đồng để khắc phục bất cập hiện nay về số lượng và cơ cấu đội ngũ.

### **5. Nhóm giải pháp đổi mới công tác quản lý**

- Kiện toàn công tác quản lý dạy nghề theo hướng phân công, phân cấp, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn; bảo đảm sự hợp lý trong hệ thống;

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các thể chế, chính sách về xây dựng, quản lý đội ngũ GVDN nhằm đổi mới quản lý, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và tinh thần trách nhiệm.

- Tăng cường công tác dự báo, quy hoạch và kế hoạch phát triển đội ngũ GVDN. Có chính sách điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ cho phù hợp với nhu cầu phát triển của dạy nghề.

### **6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ GVDN**

- Dành nguồn lực hợp lý cho đào tạo, bồi dưỡng GVDN trong các dự án hợp tác quốc tế về dạy nghề.

- Huy động mọi nguồn lực và tăng cường hợp tác quốc tế để tạo điều kiện gửi GVDN đi đào tạo ở nước ngoài (chú trọng đào tạo các ngành nghề mũi nhọn, các ngành nghề mà Việt Nam chưa có điều kiện để đào tạo giáo viên).

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Giáo dục 2005, Nhà xuất bản Giáo dục, 2005.

2. Dự thảo Luật Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 5/5/2006.

3. Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010”, Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tình hình đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề, Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2006.